

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN L H
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh p**

Bản án số: **253/22/HNGĐ-ST**

Ngày: .-9-.22

V/v: *Trn chấp xin ly hôn.*

**NHÂN DN
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN L H, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành p Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Vân N

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Hiền
2. Ông Tạ Ngọc Cư

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Châu - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận L H tham gia phiên tòa:

Bà Phạm Thị Thn Huế - Kiểm sát viên.

Ngày . tháng 9 năm .22 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận L H, Thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đ thụ lý số: 65/22/TL-HNGĐST ngày 31/3/22 về việc: Trn chấp xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/22/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/8/22; Quyết định hoãn phiên tòa số: 48/22/QĐ-HPT ngày 05/9/22, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị N Vũ Thủy T, sinh năm 1996;** ĐKKHKT: Số . Hàng B, phường N T T, quận B Đ, TP Hà Nội; Hiện trú tại: Số nhà ., ngõ ., đường nước P L, phường T L, quận L H, TP Hà Nội, có mặt.

- Bị đơn: **N N Duy H, sinh năm 1996;** ĐKKHKT và cư trú: Số . A, phường N, quận L H, TP Hà Nội, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị N Vũ Thủy T trình bày:

Tôi và n N Duy H có tìm hiểu và đã tổ chức lễ cưới tháng 03/17, nh chung sống với nhau khoảng 03 tháng thì đã mâu thuẫn và đã ly thân. Đến ngày ./9/17 tôi sinh cháu N Vũ Ma, do cần phải làm đ ký khai sinh cho con nên ngày 19/6/19 tôi và n H mới đi đ ký kết hôn tại UBND phường N T T, quận B Đ, Hà Nội. Từ sau khi tổ chức lễ cưới, sinh con và kết hôn đến nay cuộc sống chung vợ chng giữa chúng tôi thực tế không tồn tại, vợ chng không hạnh p. Do n H không có trách nhiệm với vợ, con. Năm .21 tôi và n H đã làm đơn thuận tình ly hôn, sau đó lại rút đơn về, tuy nhiên từ đó đến nay tôi và n H cũng không l hệ với nhau. Hiện nay chúng tôi vẫn sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Tôi xác định tình cảm vợ chng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn n H để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Tôi và n H có 01 con chung là N Vũ Ma N sinh ngày ./9/17. Từ khi tôi mang thai, sinh con đến nay n H không có trách nhiệm gì cả về vật chất lẫn chăm sóc, thăm hỏi. Ly hôn tôi đề nghị Tòa án giao cho tôi t tiếp nuôi dưỡng con chung, tôi không yêu cầu n H cấp dưỡng nuôi con. Hiện tôi đang làm quản lý nhân sự cho Công ty TNHH y dược D P, thu nhập khoảng ..000.000đ/tháng, hiện tôi và cháu Ma N đang ở cùng mẹ đẻ tôi tại Số nhà ., ngõ ., đường nước P L, phường T L, quận L H, Hà Nội.

Là nhà của mẹ đẻ tôi, ly hôn mẹ tôi đồng ý cho tôi và con tôi tiếp tục ở tại nhà đất trên nên tôi đảm bảo được việc nuôi dưỡng và chăm sóc con chung.

- **Về tài sản, nhà ở, công nợ chung:** Tôi và n H không có, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn n N Duy H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nh không đến Tòa nên không có lời khai.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận L H phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn thực hiện đúng. TAND quận L H thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, thu thập, chứng cứ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ vào các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về chế độ án phí, lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T. Về con chung: N, chị có 01 con chung là N Vũ Ma N sinh ngày 29/9/2017, đề nghị giao cho chị T nuôi dưỡng. Về tài sản chung: Chị T xác định vợ chồng không có không yêu cầu giải quyết nên không xét. Về án phí: Chị T phải chịu án phí, các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, ý kiến của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn n H có hộ khẩu thường trú và cư trú tại Số 1. Âu Cơ, phường Nhật Tân, quận L H, TP Hà Nội, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận L H.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự. Tuy nhiên n H vắng mặt không có lý do. Phiên tòa lần thứ nhất, n H vắng mặt nên HĐXX đã hoãn phiên tòa, phiên tòa hôm nay được mở đến lần thứ hai, n H vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt n H.

[2] Về nội dung: Chị N Vũ Thủy T và n N Duy H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký ngày 19/6/2019 tại UBND phường N T T, quận B Đ, Hà Nội, xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn vợ chồng giữa n chị, theo chị T do cuộc sống chung vợ chồng giữa n chị thực tế không tồn tại, vợ chồng không hạnh phúc, n H không có trách nhiệm với vợ, con, không ai quan tâm đến ai, n chị sống ly thân từ khi kết hôn đến nay. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, xin được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, triệu tập n H đến để tự khai, thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo yêu cầu n H giao nộp ý kiến bằng văn bản, tuy nhiên n H không đến Tòa án để làm việc, không giao nộp các tài liệu chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của chị T, không tham gia phiên hòa giải để n chị có cơ hội đoàn tụ. Như vậy n H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, biết việc chị T có đơn xin ly hôn nh n H không đến thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình và cũng không có ý kiến gì về yêu cầu

xin ly hôn của chị T. Điều này thể hiện n H không có thiện chí hàn gắn, không mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Qua xác ma tại nơi cư trú của n, chị thể hiện: N chị có mâu thuẫn và hiện đã sống ly thân. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa n chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị T xin ly hôn là có căn cứ, nên được chấp nhận. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm .14, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với n H.

[3]. Về con chung: Căn cứ lời khai của chị T và giấy khai sinh do chị T giao nộp và các tài liệu có trong hồ sơ: Xác định n, chị có 01 con chung là: N Vũ Ma N sinh ngày ./9/.17.

Theo chị T trình bày: Từ khi chị mang thai và sinh con đến nay cháu Ma N vẫn ở cùng chị, do chị nuôi dưỡng. Hiện chị đang làm quản lý nhân sự cho Công ty TNHH y dược D P, thu nhập khoảng ..000.000đ/tháng, hiện mẹ con chị đang ở cùng mẹ đẻ chị tại Số nhà ., ngõ ., đường nước P L, phường T L, quận L H, Hà Nội. Ly hôn mẹ chị đồng ý cho chị và cháu Ma N tiếp tục ở tại nhà đất trên nên đảm bảo được việc nuôi dưỡng và chăm sóc con chung.

Xét thấy, việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng phải đảm bảo quyền lợi của đứa trẻ. Hiện chị T đang tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Ma N và thực tế chị T vẫn đảm bảo điều kiện chăm sóc con chung của n chị tốt, cháu Ma N là con gái cần sự chăm sóc của người mẹ. Vì vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị T giao cháu Ma N cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu n H cấp dưỡng nuôi con chung. N H được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản, nhà đất, công nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. N H vắng mặt không có lời khai, do vậy HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm .14;

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm ..;

Nghị quyết số 326/.16/UBTVQH14 ngày 30/12/.16 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về chế độ án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N Vũ Thủy T. Chị N Vũ Thủy T được ly hôn n N Duy H.

Về con chung: N, chị có 01 con chung là: N Vũ Ma N sinh ngày ./9/.17. Giao chị T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên, đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định thay đổi khác.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với n H đến khi chị T có yêu cầu hoặc khi có quyết định thay đổi khác. N H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản: Về động sản, bất động sản và công nợ: Chị T xác nhận vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về án phí: Chị N Vũ Thủy T phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00032757 ngày 31/3/22 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận L H.

Chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn . ngày kể từ ngày tuyên án.

N H có quyền kháng cáo trong thời hạn . ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận L H;
- CCTHADS quận L H;
- Lưu HS/VP.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Vân N

